

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
TH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST

Ngày: 14/10/2019

V/v: “*T/c di sản thừa kế*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – TP CẦN THƠ**

- *Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông PH Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thiện.

2. Bà L Thị Tân An.

THH ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thu Hiền.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên toà: Bà Trần Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-DS ngày 09/3/2018 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-DS, ngày 01/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu vực RS, phường TL, quận Ô Môn., Tp. Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 132/30 HV, phường TB, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Võ Văn Th**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu vực RS, phường TL, quận Ô Môn., Tp. Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Võ Thị Bích THY**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Kv. TH 2, phường TL, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ.

2/ **Võ Văn TrH**, sinh năm 1982 (vắng).

3/ **Võ Văn Tg**, sinh năm 1982.

4/ **Võ Văn Tn**, sinh năm 1988.

5/ **Võ Văn TU**, sinh năm 1990.

6/ **Võ Văn Th**, sinh năm 1987.

7/ **Võ Thị Mộng H**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Khu vực RS, phường TL, quận Ô Môn., Tp. Cần Thơ.

8/ **Võ Văn TI**, sinh năm 1978 (vắng).

Địa chỉ: ấp CD A2, xã LT, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

9/ **Ngô Thị D**, sinh năm 1963.

10/ **Võ Thị Cẩm TN**, sinh năm 1991.

11/ **Võ Minh THH**, sinh năm 2001.

Cẩm TN và Minh THH ủy quyền cho bà **Ngô Thị D**, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Khu vực RS, phường TL, quận Ô Môn., Tp. Cần Thơ.

12/ **Võ Thị Ái Ln**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp Trường KH A, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, Tp. Cần
Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L TrH bày: Lúc sinh thời cha mẹ của nguyên đơn là ông Võ Văn D (chết 2010) bà Hà Thị Nh (chết năm 2016) có tất cả 10 người con gồm: Võ Thị Bích THY, sinh năm 1971, Võ Văn TrH, sinh năm 1982, Võ Văn Tg, sinh năm 1982, Võ Văn Tn, sinh năm 1988, Võ Văn TU, sinh năm 1990, Võ Văn Th, sinh năm 1987, Võ Thị Mộng H, sinh năm 1980, Võ Văn TI, sinh năm 1978, Võ Thị T, sinh năm 1984, Võ Văn Th, sinh năm 1974.

Cha mẹ chết không để lại di chúc, có di sản gồm có:

1/ TUA 741, TUA đất số 1055, TUA 818, TUA đất 819, TUA 820 tờ bản đồ số 08 đất tọa lạc tại khu vực RS, phường TL, quận Ô Môn, Th phố Cần Thơ.

Tất cả phần đất này do ông Th quản lý. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ô Môn chia cho bà T được nhận 200m² đất thổ cư liền kề ngoài căn nhà. Các phần đất còn lại yêu cầu chia theo kỹ phần bà yêu cầu được nhận 1/10 giá trị tài sản nêu trên.

Đối với TUA 1055 bà T không yêu cầu chia với lý do khi cha bà còn sống có cho ông Võ Văn U (chết 2016) là em của cha bà T. Nay trên TUA đất này bà D (vợ ông U) và các con bà D đã được hỗ trợ cất nhà tình tH trên đất nên bà đồng ý cho bà D và các con bà D tách TUA đất 1055 cho hộ bà D.

Bị đơn ông Võ Văn Th TrH bày: Ông thống nhất với lời TrH bày của đại diện nguyên đơn về tài sản của cha mẹ ông để lại. Về quan hệ nhân thân có 10 anh chị em như nguyên đơn TrH bày.

Ông đồng ý chia các phần đất Th 10 phần bằng nhau, ông Võ Văn Toán trước đây có bán cho ông 1.300m² đất tại TUA 819, nên phần diện tích đất ruộng của ông Toán ông yêu cầu được nhận. Đối với ông Võ Văn TI đã bán cho ông 1.300m² đất TUA 819 nay ông yêu cầu được nhận luôn phần diện tích đất của ông Võ Văn TI, vào ngày 26/9/2015 mẹ của ông là bà Hà Thị Nh đứng ra bán cho ông phần diện tích 1.950m² TUA 819 có bà T ký tên trong hợp đồng mua bán. Nên ông yêu cầu được nhận phần diện tích này.

Đối với TUA đất 1055 ông đồng ý thống nhất cho bà D phần diện tích đất là nền nhà để ở có diện tích ngang 05m dài 10m, phần còn lại TI ông yêu cầu bà D trả lại cho anh em của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà THY, Th, TU, H thống nhất TrH bày: Thống nhất với ý kiến của bà T. Tuy nhiên, đến nay đối với kỷ phần tôi được hưởng di sản của cha mẹ tôi để lại, tôi sẽ nhượng lại quyền cho ông Võ Văn Tg được hưởng. Đối với TUA 1055 đồng ý tách cho bà D.

Ông TrH TrH bày: Ông yêu cầu được nhận phần diện tích đất 1/10. Đối với TUA 1055 đồng ý tách cho bà D.

Ông Tg TrH bày: Ông đồng ý như lời TrH bày của bà T. Ông yêu cầu được nhận các phần đất do cha mẹ để lại là diện tích đất ruộng và đất vườn, ông đồng ý thối lại giá trị đất cho các đồng thừa kế khác theo giá quy định của Nhà Nước. Đối với TUA 1055 đồng ý tách cho bà D.

Tại bản tự khai ngày 29/5/2019 ông TI, Tn thống nhất TrH bày: Ông thống nhất với ý kiến của bà T. Nay ông yêu cầu được chia 1/10 di sản của cha mẹ ông để lại. Đối với TUA 1055 đồng ý tách cho bà D.

Bà D có đơn yêu cầu độc lập TrH bày: Phần diện tích đất này trước đây là của cha mẹ ông U để lại, phần đất này lúc ông D còn sống đã cho ông U và gia đình bà sử dụng nhiều năm nay. Do đó, bà yêu cầu được tách và ổn định phần diện tích đất tại TUA 1055.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thống nhất với nhau về việc phân chia các tài sản do cha mẹ của các đương sự để lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mỗi người được nhận 1/10 kỷ phần tài sản gồm các TUA đất 741; 818; 819. Đối với TUA đất 1055 các đồng thừa kế ông D, bà Nh thống nhất giao cho bà D và các con bà D. riêng đối với ông Võ Văn Th trong quá TrH làm việc và tại phiên tòa hôm nay ông Th và bà D thỏa thuận được với nhau thối lại giá trị ông Th được nhận là 15.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp di sản thừa kế*”. Tranh chấp này được Bộ luật dân sự điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn TrH, Võ Văn TI có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

{3} *Xét về thời hiệu khởi kiện:* Ông Võ Văn D (chết 2010) bà Hà Thị Nh (chết năm 2016) có tất cả 10 người con gồm: Võ Thị Bích THY, sinh năm 1971,

Võ Văn TrH, sinh năm 1982, Võ Văn Tg, sinh năm 1982, Võ Văn Tn, sinh năm 1988, Võ Văn TU, sinh năm 1990, Võ Thị Th, sinh năm 1987, Võ Thị Mộng H, sinh năm 1980, Võ Văn TI, sinh năm 1978, Võ Thị T, sinh năm 1984, Võ Văn Th, sinh năm 1974, ông D, bà Nh chết không để lại di chúc căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 TI thời hiệu khởi kiện thừa kế vẫn còn.

{4} *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất chia các TUA đất 741; 818; 819 cho các anh chị em bằng nhau mỗi người được nhận 1/10 diện tích đất.

Nguyên đơn yêu cầu được nhận 1/10 tài sản gồm các TUA đất 741; 818; 819 và nhượng quyền lại cho ông Võ Văn Tg quản lý sử dụng. Đối với TUA 1055 đồng ý cho bà D và các con của bà D quản lý sử dụng.

Bị đơn ông Th yêu cầu được nhận 1/10 tài sản gồm các TUA đất 741; 818; 819 vị trí C, D, E theo bản trích đo địa chính số 53/TTKTTNMT ngày 11/9/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Th phố Cần Thơ. Đối với TUA 1055 ông đồng ý ổn định yêu cầu bà D và các con bà D thôi lại cho ông 15.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bích THY, Võ Văn TU, Võ Thị Th, Võ Thị Mộng H yêu cầu được nhận 1/10 tài sản gồm các TUA đất 741; 818; 819 và nhượng quyền lại cho ông Tg quản lý sử dụng. Đối với TUA 1055 cho bà D và các con của bà D quản lý sử dụng.

Bà D đồng ý thôi cho ông Th 15.000.000 đồng để bà và các con được quyền sử dụng TUA đất 1055.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Riêng đối với những người vắng mặt tại phiên tòa hôm nay gồm ông Võ Văn TrH, Võ Văn TI trong quá TrH thu thập chứng cứ các đương sự cũng có bản tự khai yêu cầu được nhận 1/10 diện tích đất tại các TUA 741; 818; 819. Đối với TUA 1055 đồng ý giao cho bà D được quyền sử dụng.

Cụ thể, mỗi TUA đất trên mỗi kỷ phần được nhận như sau:

- Đối với TUA đất 741 có diện tích thực tế $1.928,6\text{m}^2/10$ kỷ phần = $192,86\text{m}^2$ mỗi người được nhận.

Tuy nhiên, trên TUA đất này có căn nhà ông Võ Văn TrH đang ở và sử dụng phần đất có diện tích $270,7m^2$ (được ký hiệu B theo bản trích đo địa chính). Như vậy, phần diện tích đất kỹ phần ông TrH được nhận ít hơn diện tích đất ông sử dụng, cụ thể: $270,7m^2 - 192,86m^2 = 77,84m^2$.

Tại phiên Tòa hôm nay ông Võ Văn Tg thống nhất phần diện tích đất ông được nhận tại TUA 741 sẽ cho ông Võ Văn TrH $77,84m^2$ cho đủ diện tích ở vị trí B theo bản trích đo. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

- Đối với TUA 818 có diện tích thực tế $5.416,2m^2/10$ kỹ phần, $= 541,6m^2$ mỗi người được nhận.

- Đối với TUA 819 có diện tích thực tế $7.338,2m^2/10$ kỹ phần $= 733,8m^2$ mỗi người được nhận.

- Đối với căn nhà của ông D, bà Nh chết để lại hiện nay ông Tn đang quản lý sử dụng. Các đương sự đều thống nhất tiếp tục giao cho ông Tn toàn quyền sở hữu. Tại phiên tòa hôm nay ông Tn tự nguyện giao lại phần tài sản là căn nhà cho ông Tg sở hữu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Đối với 02 TUA đất 818; 819 ông yêu cầu được nhận $1/10$ diện tích đất.

{5} *Về án phí dân sự sơ thẩm*: các đương sự phải chịu theo án phí giá ngạch như sau:

Võ Văn TrH, Võ Văn Tg, Võ Văn Tn, Võ Văn TI, Võ Văn Th phải chịu.

Giá trị tài sản các đương sự được nhận theo kỹ phần:

TUA đất 741: loại đất CLN $192,9m^2 \times 157.000$ đồng $= 30.285.300$ đồng và loại đất ODT $300m^2 \times 500.000$ đồng $= 150.000.000$ đồng.

TUA 818: loại đất CLN $541,6m^2 \times 157.000$ đồng $= 85.031.200$ đồng.

TUA 819: loại đất LUC $733,8m^2 \times 143.000$ đồng $= 104.933.400$ đồng.

Như vậy, mỗi kỹ phần được hưởng Tg đương với giá trị 220.249.900 đồng.

{6} *Về chi phí đo đạc, thẩm định và lấy bản địa chính*: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều:

Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 157, 158, 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 611; 612; 623; 649; 650; 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự.

Điều 100; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban THHồng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Ông Võ Văn Th được nhận diện tích đất cụ thể như sau:

- TUA 741 diện tích 192,9m², loại đất CLN (tại vị trí C); TUA 818 diện tích 541,6m², loại đất CLN (tại vị trí D), TUA 819 diện tích 733,8m² loại đất LUC (tại vị trí E).

Ông Võ Văn TrH được nhận diện tích đất cụ thể như sau:

- TUA 741 diện tích 270,7m², loại đất CLN (vị trí B); TUA 818 diện tích 541,6m², loại đất CLN (song song với vị trí D Thtừ ranh đất ông Thanh được nhận đo vào TUA 818 đủ diện tích 541,6m²); TUA 819 diện tích 733,8m², loại đất LUC (song song với vị trí E Thtừ ranh đất ông Thanh được nhận đo vào TUA 818 đủ diện tích 733,8m²).

Ông Võ Văn TI được nhận diện tích đất cụ thể như sau:

- TUA 741 diện tích 192,9m², loại đất CLN (song song với TUA đất ông Th được nhận, Thtừ ranh đất ông Th được nhận đo vào TUA 741 đủ diện tích 192,9m²); TUA 818 diện tích 541,6m², loại đất CLN (song song với vị trí đất ông TrH được nhận, Thtừ ranh đất ông TrH được nhận đo vào TUA 818 đủ diện tích 541,6m²); TUA 819 diện tích 733,8m², loại đất LUC (song song với vị trí ông TrH được nhận Thtừ ranh đất ông TrH được nhận đo vào TUA 819 đủ diện tích 733,8m²).

Ông Võ Văn Tn được nhận diện tích đất cụ thể như sau:

- TUA 818 diện tích 541,6m², loại đất CLN (nắm song song với TUA đất ông TI được nhận, Thtừ ranh đất ông TI được nhận đo vào TUA 818 đủ diện tích 541,6m²); TUA 819 diện tích 733,8m², loại đất CLN (nắm song song với TUA đất

ông TI được nhận, Thừ ranh đất ông TI được nhận đo vào TUA 819 đủ diện tích 733,8m²).

Ông Võ Văn Tg được nhận các phần đất cụ thể như sau:

- TUA 741 sau khi chia cho ông Th, ông TI, ông TrH phần còn lại ông Võ Văn Tg được quyền sử dụng diện tích 1.350m² (trong đó 300m² loại đất ODT, 1.050m² loại đất CLN) và được quyền sở hữu căn nhà trên đất do ông D, bà Nh để lại.

- TUA 818 sau khi chia cho ông Th, ông TI, ông TrH, ông Tn phần còn lại ông Tg được quyền sử dụng đất diện tích 3.249,8m², loại đất CLN + DTL.

- TUA 819 sau khi chia cho ông Th, ông TI, ông TrH, ông Tn phần còn lại ông Tg được quyền sử dụng đất diện tích 4.403m², loại đất LUC.

Bà Ngô Thị D, Võ Thị Cẩm TN, Võ Minh THH, Võ Thị Ái Ln phải trả cho ông Võ Văn Th 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) và được quyền sang tên sử dụng toàn bộ TUA đất 1.055.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được đăng ký phần diện tích đất được nhận.

(kèm theo bản án là bản trích đo địa chính số 53/TTKTTNMT, ngày 11/9/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Th phố Cần Thơ).

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn Th, Võ Văn TI mỗi người phải chịu 11.012.000 đồng (*Mười một triệu không trăm mười hai ngàn đồng*).

- Ông Võ Văn TrH phải chịu 11.623.000 đồng (*Mười một triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn đồng*).

- Ông Võ Văn Tn phải chịu 9.498.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng*).

- Ông Võ Văn Tg phải chịu 28.772.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng*). Có xem xét đơn xin miễn giảm án phí ngày 11/01/2019.

- Bà Ngô Thị D, Võ Thị Cẩm TN, Võ Minh THH, Võ Thị Ái Ln phải chịu 750.000 đồng (*Bảy trăm năm chục ngàn đồng*). Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 001796 ngày 22/3/2018, các đương sự phải nộp thêm 450.000 đồng (*Bốn trăm năm chục ngàn đồng*).

- Võ Thị T, Võ Thị Mộng H, Võ Thị Th, Võ Văn Tg, Võ Văn TrH, Võ Thị Bích THY, mỗi người được nhận lại 5.988.000 đồng (*Năm triệu chín trăm tám mươi tám ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 001757; 001826; 001824; 001819; 001837; 001825 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ.

Về chi phí đo đạc, thẩm định tài sản: Tổng số chi phí là 17.962.000 đồng (số tiền này bà Võ Thị T tạm ứng). Buộc Võ Văn TrH, Võ Văn Tn, Võ Văn TU, Võ Văn TI mỗi người trả lại cho bà T 1.796.000 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng). Buộc ông Võ Văn Tg trả lại cho bà T 10.778.000 đồng (Mười triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Th phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự TI người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân Quận Ô Môn,
- Chi cục THA quận Ô Môn,
- Đương sự,
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Văn Chính

Nơi nhận:

- VKS nhân dân Quận Ô Môn,
- Chi cục THA quận Ô Môn,
- Đường sự,
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PH Văn Chính